

Bản án số: 20/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 30/6/2022
V/v: yêu cầu không công nhận quan hệ
vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA ĐÀN - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Phan Quang Sơn .

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Đức Tùng và bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị An - cán bộ TAND huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên
tòa:* Bà Dương Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn - tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 69/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐST - HNGĐ ngày 15/6/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1965 (Có mặt)

Địa chỉ: xóm Quyết Tâm, xã Nghĩa Thịnh, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An

- Bị đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1970 (có đơn xin xử vắng mặt)

Địa chỉ: xóm Quyết Tâm, xã Nghĩa Thịnh, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, tại bản khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Ông Nguyễn Văn B trình bày: Vào năm 1989 ông B và Bà L tự do tìm hiểu và về chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống hạnh phúc được 25 năm, đến tháng 11 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và ông B bỏ nhà ra đi từ đó cho đến tháng 12 năm 2020 thì về nhà. Khi về thì hai người cũng ăn riêng, ở riêng. Không ai quan tâm đến ai nữa. Hai người cũng đã được hai bên nội ngoại cũng như các ban ngành liên quan hòa giải nhưng không có kết quả. Nay ông B thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nữa nên yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng cho ông và Bà L.

Về con cái: Ông B và Bà Lê Thị L có 03 con chung là Nguyễn Thị L sinh năm 1989; Nguyễn Quyền L sinh năm 1991 và Nguyễn Xuân Đ sinh năm 1994. Các con của ông B và Bà L đã trưởng thành và đã có gia đình riêng, nay ly hôn ông B không yêu cầu giải quyết về các con.

Về tài sản: Ông B và Bà L có một ngôi nhà cấp bốn được xây dựng trên diện tích đất 400m² tại thửa đất số 38 tờ bản đồ số 14 xóm Quyết Tâm, xã Nghĩa Thịnh, huyện Nghĩa Đàn. Tuy nhiên hiện nay tài sản chung này ông B không yêu cầu giải quyết mà hai người tự thỏa thuận với nhau.

Bị đơn Bà Lê Thị L quá trình giải quyết vụ án trình bày: Vào năm 1989 ông B và Bà L tự do tìm hiểu và về chung sống với nhau, không tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã như quy định. Quá trình chung sống hạnh phúc được khoảng 25 năm. Đến tháng 11 năm 2014 thì ông B bỏ nhà ra đi, Bà L hỏi nguyên nhân thì ông B trả lời: không thích sống trong nhà và xin mẹ con bà hai chữ bình yên. Bà L vẫn biết ông B đi đâu đi đó ra ngoài có người phụ nữ khác nhưng mẹ con bà vẫn không gây sự hay ngăn cản ông B. Bà L cũng đã tổ chức họp gia đình bên nội nhưng khi có mặt ông B không công nhận. Sau khi ông B quay về sống chung trong nhà hơn một năm nay nhưng ông gây sự, xích mích gia đình, con cái 03 đến 04 lần. Nay ông B làm đơn đề nghị giải quyết ly hôn Bà L chấp nhận.

Về con chung: Bà L và ông B có 03 người con chung gồm: Nguyễn Thị L sinh năm 1989; Nguyễn Quyền L sinh năm 1991 và Nguyễn Xuân Đ sinh năm 1994. Các con của hai người đã trưởng thành và đã có gia đình riêng, nay ly hôn Bà L cũng không yêu cầu giải quyết về phần con.

Về tài sản: Hai người có những tài sản chung gồm: 01 nhà ống ba gian 01 lòi, 01 ti vi, 01 xe máy, 01 sân lát gạch, 01 giàn mát, 02 cái giường, 01 máy lọc nước, 01 máy giặt, 01 tủ lạnh, 01 máy nóng lạnh, 400m² đất ở và đất vườn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện những tài sản trên Bà L và các con đang sử dụng nên Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Có mặt tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Đàn phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa và của Hội đồng xét xử, thư ký đã làm đúng và đầy đủ quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ các quy định của pháp luật, đúng thời gian và trình tự thu thập chứng cứ của đương sự. Đối với các đương sự đã chấp hành theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào điều 14, điều 53, điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Ông Nguyễn Văn B và Bà Lê Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết vụ án: Nguyên đơn và bị đơn đều có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại xã Nghĩa Thịnh, huyện Nghĩa Đàn, Nghệ An. Căn Cứ

vào khoản 1 điều 28 và khoản 1 điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn.

[2] Về quan hệ vợ chồng: Ông Nguyễn Văn B và Bà Lê Thị L chung sống trên cơ sở tự nguyện, tự tổ chức cuộc sống chung và coi nhau như vợ chồng. Cách tổ chức cuộc sống như vậy giữa ông B và Bà L được coi là chung sống như vợ chồng. Hai người tổ chức cuộc sống chung kéo dài từ thời điểm năm 1989 đến nay đủ các điều kiện kết hôn nhưng hai người không đăng ký kết hôn là vi phạm điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình về đăng ký kết hôn. Mặt khác quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn tiến hành xác minh tại UBND xã Nghĩa Thịnh, huyện Nghĩa Đàn được biết từ trước đến thời điểm giải quyết ly hôn không có trường hợp nào được đăng ký kết hôn mang tên Nguyễn Văn B và Lê Thị L có địa chỉ như trên, vì vậy giữa Ông Nguyễn Văn B và Bà Lê Thị L không có đăng ký kết hôn. Do đó quan hệ chung sống này không được công nhận là vợ chồng theo khoản 1 điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình. Việc ông B yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với Bà L, Hội đồng xét xử thấy đây là yêu cầu có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về con chung: Các con chung của ông B và Bà L là Nguyễn Thị L sinh năm 1989; Nguyễn Quyền L sinh năm 1991 và Nguyễn Xuân Đ sinh năm 1994 đã trưởng thành nên hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, ông B và Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Văn B phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Về quan hệ vợ chồng: Áp dụng điều 28, điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 14, khoản 2 điều 53, điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên bố:

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Ông Nguyễn Văn B và Bà Lê Thị L.

Về án phí: Áp dụng điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án, buộc Ông Nguyễn Văn B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, số tiền trên được khấu trừ do ông B đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm tại biên lai thu tiền số 0005698 ngày 14/4/2022.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án lên TAND tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị đơn biết được quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận

TAND tỉnh Nghệ An;

VKSND tỉnh Nghệ An;

VKSND huyện Nghĩa Đàn;

Chi cục THADS huyện Nghĩa Đàn;

Đương sự;

Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Quang Sơn

